TÒA ÁN N DÂN **THÀNH PHỐ TU** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2024/HS-ST
Ngày: 25/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Hiệp.

Các Hội thẩm N dân: Bà Huỳnh Anh Thư;

Bà Trần Thị Mộng Thu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trọng Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TU, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TU, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Trương Văn Thế, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TU, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 162/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. **Phan Văn B**, sinh năm 2000, tại Quảng Nam; thường trú: Thôn 1, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Phan Văn Th, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1976; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm 2002, có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

Ngày 29/8/2019 bị Tòa án nhân dân quận L, thành phố Đã Nẵng quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 12 tháng kể từ ngày 10/7/2019. Đến ngày 29/4/2020 chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2023 cho đến nay; có mặt.

2. **Trương Văn N,** sinh năm 1990, tại Kiên Giang; thường trú: Ấp M, xã T1, huyện M1, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: công N; trình độ học vấn: 11/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Trương Văn Đ, sinh năm 1964 và bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1973; bị

cáo có vợ tên Đào Bích Th2, sinh năm 1995 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2023 cho đến nay; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Trần Hữu Th1, sinh năm 1997; thường trú; Ấp B, xã Lộc Hòa, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; tạm trú: phường Hóa An, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

2. Ông Th Sa Q, sinh năm 1985; thường trú: Khóm 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh; chổ ở hiện tại: Số 111 đường Phạm Văn Th1, phường T2, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1971; thường trú: Xã G, thành phố K, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1957; thường trú: Tổ 4, ấp 4, xã Bàu Đồn, huyện G1, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

5. Bà Chiếm Thị D, sinh năm 1968; thường trú: Tổ 4, khu phố B1, phường R, thành phố TU, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Ông Phan Thành N, ông Nguyễn Ngọc H2, bà Trần Thị Thu V, bà Nguyễn Thị Như Ý; vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Phan Văn B và Trương Văn N đều là đối tượng sử dụng ma túy và có mối quan hệ quen biết nhau.

Khoảng 12 giờ 40 phút ngày 16/12/2023, N có nhu cầu sử dụng ma túy nên nhắn tin qua Zalo cho B để hỏi mua 400.000 đồng ma túy thì B đồng ý và hẹn giao ma túy tại nhà của B thuộc khu phố B1, phường R, thành phố TU, tỉnh Bình Dương. N điều khiển xe môtô biển số 70L1-9493 chạy từ quán bò Beef Steak Only nơi N đang làm việc và sinh sống tại khu phố 3, phường T2, thành phố H, tỉnh Đồng Nai đến nhà của B để mua ma túy. Khi N đến, B mở cửa nhà đi ra đưa cho N 01 (một) miếng băng keo màu đỏ bên trong có 02 gói nylon hàn kín chứa ma túy, N đưa cho B 300.000 đồng và thiếu lại 100.000 đồng. N lấy ma túy dán ở sau đầu đèn xe mô tô của mình và điều khiển xe chạy về. Khi N chạy xe đến trạm thu phí thuộc khu phố B1, phường R, thành phố TU, tỉnh Bình Dương thì bị Tổ tuần tra Công an phường R yêu cầu dừng xe kiểm tra hành chính, phát hiện 01 (một) miếng băng keo màu đỏ bên trong có 02 gói nylon hàn kín chứa ma túy sau đầu đèn xe nên lập biên bản niêm phong và đưa N về trụ sở làm việc. Qua làm việc, N khai nhận số ma túy bị thu giữ là do N mua của B với giá 400.000 đồng nhằm mục đích sử dụng.

Công an phường R phối hợp cùng Đội Cảnh sát kinh tế - ma túy Công an thành phố TU tiến hành đi khám xét khẩn cấp nơi ở của Phan Văn B tại khu phố B1, phường R, thành phố TU, tỉnh Bình Dương. Trên đường đi đến nhà của B thì phát hiện Trần Hữu Th1 điều khiển xe mô tô 60T1 – 3730 hướng từ nhà của B đi ra ngoài có biểu hiện nghi vấn nên lực lượng Công an yêu cầu dừng xe kiểm tra, phát hiện bên trong túi quần bên pH2 của Th1 có 01 gói nylon hàn kín có chứa ma túy nên tiến hành niêm phong vật chứng và đưa Th1 về trụ sở Công an phường R làm việc. Th1 khai nhận số ma túy bị thu giữ là do Th1 mua của B với giá 150.000 đồng để sử dụng.

Lực lượng Công an tiếp tục đi vào nhà của B thì phát hiện B đang điều khiển xe mô tô 61E1 – 985.01 từ trong nhà đi ra đường nên yêu cầu dừng xe kiểm tra thì phát hiện bên trong hộc phía bên pH2 của xe mô tô có 01 gói thuốc lá hiệu CARAVEN bên trong có 01 gói nylon hàn kín chứa chất tinh thể màu trắng. B khai nhận là ma túy đá đem đi bán thì bị bắt quả tang, lực lượng Công an tiến hành niêm phong vật chứng và đưa B vào nhà để khám xét phát hiện bên trong phòng ngủ của B có 01 hộp nhựa màu đỏ bên trong có 01 túi nylon miệng kéo dính chứa chất tinh thể màu trắng, 01 gói nylon hàn kín chứa chất tinh thể màu trắng là ma túy do B mua của đối T1ợng tên Bảo không rõ lý lịch tại thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. B khai mua về chia nhỏ ra cất giấu trong nhà nhằm mục đích bán cho các đối T1ợng sử dụng ma túy. Lực lượng Công an tiến hành niêm phong vật chứng và đưa B về trụ sở làm việc. Qua làm việc, B khai nhận số ma túy công an thu giữ của N và Th1 là do B bán với giá 400.000 đồng và 150.000 đồng để thu lợi bất chính.

Công an phường R tạm giữ: 01 xe mô tô biển số 61E1-985.01; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh; 01 cây kéo B kim loại; 01 bộ dụng cụ ma túy đá tự chế; 01 Chứng minh N dân mang tên Phan Văn B; 01 xe mô tô biển số 70L1-9493 và 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu Đ của Trương Văn N.

Sau khi xác lập hồ sơ ban đầu, Công an phường R đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TU giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Kết luận giám định số 29/KL-KTHS (MT) ngày 22/12/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương:

Mẫu tinh thể Công an thu giữ của Trương Văn N ngày 16/12/2023 gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 0,1199 gam.

Mẫu tinh thể Công an thu giữ của Trần Hữu Th1 ngày 16/12/2023 gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 0,0665 gam.

Mẫu tinh thể Công an thu giữ của Phan Văn B ngày 16/12/2023 gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine, có tổng khối lượng 2,6660 gam.

Đối với xe mô tô biển số 70L1-9493, số máy 4D11-013355, số khung RLCM4D1107Y013355. Kết quả điều tra xác định xe là tài sản hợp pháp của ông Th Sa Q. Ngày 16/12/2023, bị cáo N mượn xe mô tô trên để đi hớt tóc, việc N sử dụng xe mô tô để đi mua ma túy thì ông Th Sa Q không biết. Xe này ông Th Sa Q mua lại của người phụ nữ không rõ N thân lai lịch để làm phương tiện đi làm

và lúc mua cũng không làm giấy tờ mua bán xe. Cơ quan CSĐT Công an thành phố TU làm việc với bà Nguyễn Thị H1 là người đứng tên trên đăng ký xe thì được biết bà Nguyễn Thị H1 đã bán xe này và khi bán cũng không làm giấy tờ mua bán xe. Ngày 19/01/2024, Cơ quan CSĐT Công an thành phố TU đã trả lại xe mô tô 70L1-9496 cho ông Th Sa Q.

Đối với xe mô tô biển số 61E1-985.01, số máy MH1JMD111PK335705, số khung JMD1E1335902 do bà Chiếm Thị D (là mẹ vợ của bị cáo B) đứng tên chủ sở hữu. Ngày 16/12/2023, B điều khiển xe mô tô trên để đi giao ma túy thì bà Chiếm Thị D không biết. Ngày 19/01/2024, Cơ quan CSĐT Công an thành phố TU đã trả lại xe mô tô 61E1-985.01 cho bà Chiếm Thị D.

Cáo trạng số 176/CT-VKSTU ngày 11/6/2024 của Viện kiểm sát N dân thành phố TU truy tố bị cáo Phan Văn B về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trương Văn N về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phan Văn B từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo cáo Trương Văn N từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Về xử lý vật chứng và biện pháp T1 pháp: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự, tuyên:

Tịch thu, tiêu hủy chất ma túy Methaphetamine (mẫu vật hoàn lại sau giám định); 01 cây kéo B kim loại; 01 bộ dụng cụ ma túy đá tự chế.

Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu Đ (không mở được nguồn, không đọc được số IMEI) của bị cáo Trương Văn N; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh (không mở được nguồn, không đọc được số IMEI) của bị cáo Phan Văn B là phương tiện liên lạc thực hiện hành vi phạm tội.

Trả lại căn cước công dân mang tên Phan Văn B cho bị cáo Phan Văn B.

Trả cho ông Trần Hữu Th1 xe mô tô nhãn hiệu NAKASEI màu xanh trắng, biển số 60T1-3730.

Buộc bị cáo Phan Văn B pH2 nộp số tiền 450.000 đồng thu lợi bất chính để sung ngân sách Nhà nước.

Đối với nam thanh niên có hành vi bán ma túy cho Phan Văn B, quá trình điều tra, xác minh đến nay chưa xác định được N thân lai lịch nên chưa đủ căn cứ để xử lý.

Đối với hành vi tàng trữ trái phép ma túy có khối lượng 0,0665 gam của Trần Hữu Th1, do không đủ định lượng cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự. Ngày 25/02/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TU đã ra Quyết định xử lý vi phạm hành chính số 10/QĐ-XPHC xử phạt số tiền 2.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và không trình bày lời bào chữa.

Nói lời sau cùng, các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên rất hối hận, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về hòa nhập với cộng đồng, trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố TU, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TU, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Hữu Th1, ông Th Sa Q, bà Nguyễn Thị Ch, bà Nguyễn Thị H1, bà Chiếm Thị D và những người làm chứng Ông Phan Thành N, ông Nguyễn Ngọc H2, bà Trần Thị Thu V, bà Nguyễn Thị Như Ý được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng đã có lời khai nên việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 291, Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như vật chứng thu giữ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

[3.1] Ngày 16/12/2023, bị cáo Phan Văn B có hành vi bán trái phép ma túy loại Methamphetamine cho Trương Văn N 0,1199 gam, Trần Hữu Th1 0,0665 gam và tàng trữ trái phép ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 2,6660

gam nhằm mục đích bán cho các đối T1ợng sử dụng ma túy thì bị phát hiện bắt quả tang. Hành vi của bị cáo Phan Văn B đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung là "Phạm tội 02 lần trở lên".

[3.2] Ngày 16/12/2023, tại khu phố B1, phường R, thành phố TU, tỉnh Bình Dương, bị cáo Trương Văn N có hành vi tàng trữ 0,1199 gam ma túy loại Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng thì bị bắt quả tang. Hành vi của bị cáo N đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát N dân thành phố TU truy tố các bị cáo theo các tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động quản lý độc quyền của Nhà nước đối với chất ma túy và các chất gây nghiện. Các bị cáo nhận thức được hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy" và "Tàng trữ trái phép chất ma túy" là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần có hình phạt T1ơng xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện để giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy N, khi quyết định hình phạt cần xem xét toàn diện về vai trò, tính chất, mức độ, N thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo.

[5] Về N thân: Ngày 29/8/2019, bị cáo Phan Văn B bị Tòa án N dân quận L, thành phố Đà Nẵng ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chấp hành xong vào ngày 29/4/2020. Bị cáo Trương Văn N là người nghiện ma túy nên các bị cáo đều có N thân xấu.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phan Văn B và bị cáo Trương Văn N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị xử phạt đối với bị cáo Trương văn N tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đối với bị cáo Phan Văn B cần xử phạt mức hình phạt nặng hơn để phù hợp với vai trò, mức độ của hành vi, nhân thân của bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Đối với chất ma túy loại Methaphetamine (mẫu vật hoàn lại sau giám định); 01 cây kéo B kim loại và 01 bộ dụng cụ ma túy đá tự chế là chất cấm, là vật chứng của vụ án nên tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu Đ của bị cáo N và 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh của bị cáo B (không mở được nguồn, không đọc được số IMEI) là phương tiện các bị cáo liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với căn cước công dân mang tên Phan Văn B là giấy tờ tùy thân nên cần trả cho bị cáo Phan Văn B.

Đối với xe mô tô biển số 60T1-3730 nhãn hiệu NAKASEI, màu xanh trắng, số máy: FMHB009705, số khung: TT009705 (không kiểm tra tình trạng bên trong) của bà Nguyễn Thị Ch đứng tên đăng ký xe. Bà Ch khai xe này đã bán cho người khác từ lâu, không làm thủ tục sang tên và không biết hiện ở đâu. Ngày 16/12/2023, ông Trần Hữu Th1 sử dụng đi mua ma túy để sử dụng. Do đó, cần trả lại xe này cho ông Th1.

Đối với số tiền 450.000 đồng bị cáo Phan Văn B có được do bán ma túy cho bị cáo N và ông Th1, do đó cần buộc bị cáo pH2 nộp để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[10] Đối với ông Trần Hữu Th1 đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,0665 gam ma túy loại Methamphetamine ngày 16/12/2023, do chưa đủ khối lượng từ 0,1 gam trở lên nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố TU không khởi tố ông Th1 tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" mà ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 10/QĐ-XPHC ngày 25/02/2024 với số tiền 2.500.000 đồng là phù hợp.

[11] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên pH2 chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phan Văn B phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51: Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Văn B 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/12/2023.

2. Tuyên bố bị cáo Trương Văn N phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trương Văn N 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/12/2023.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tuyên:

- Tịch thu, tiêu hủy chất ma túy loại Methaphetamine (mẫu vật hoàn lại sau giám định) được đựng trong bì thư niêm phong ký hiệu số 29/PC09 (M1), 29/PC09 (M2), 29/PC09 (M3), 29/PC09 (M4) theo kết luận giám định số 29/KL-KTHS (MT) ngày 22/12/2023 của Phòng KTHS Công an tỉnh Bình Dương; 01 bộ dụng cụ ma túy đá tự chế và 01 cây kéo B kim loại.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu Đ và 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh (không mở được nguồn, không đọc được số IMEI).

- Trả lại căn cước công dân mang tên Phan Văn B cho bị cáo Phan Văn B.

- Trả cho ông Trần Hữu Th1 xe mô tô nhãn hiệu NAKASEI, màu xanh trắng, biển số 60T1 – 3730, số máy: FMHB009705, số khung: TT009705.

(Theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 11/72024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TU).

- Buộc bị cáo Phan Văn B phải nộp số tiền 450.000 đồng *(Bốn trăm năm mươi nghìn đồng)* thu lợi bất chính để sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc các bị cáo Phan Văn B và Trương Văn N mỗi bị cáo pH2 chịu 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở T1 pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố TU;
- Công an thành phố TU;
- Chi cục THADS thành phố TU;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Võ Thành Hiệp